

Bản án số: 09/2021/DS-ST.

Ngày: 26/4/2021

V/v tranh chấp: Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông
2. Ông Lê Đình Can

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 169/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp: **Hợp đồng tín dụng**, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2021/QĐST-DS ngày 02/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S .

Trụ sở: Phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T - Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị M - Phó giám đốc trung tâm thẻ

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thanh H – Nhân viên

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N , sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 5 tổ 2 phường Trung H , quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày:

Ngày 28/05/2012, bà Nguyễn Thị N có ký với Ngân hàng TMCP S Tín (gọi tắt là Ngân hàng). Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Bà N , Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 970403 – 1298 với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.5%/ tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 20.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 14.510.350 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ưu tiên thanh toán phí, lãi trước, giao dịch sau.

Bà N sử dụng thẻ từ tháng 06/2012 đến tháng 01/2014 và có thanh toán đều cho N hàng nhưng đến tháng 02/2014 thì ngưng thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, gia hạn tạo điều kiện nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/04/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc quá hạn là 3.75%/tháng (150% lãi suất trong hạn). Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 23/04/2014 đến ngày 01/12/2020 là 57,960,660 đồng.

Tính đến ngày 26/4/2021, bà N còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc quá hạn : 19,123,011 đồng
- Lãi quá hạn : 61,450,644 đồng

• **Tổng cộng : 80,573,655 đồng**

(Bằng chữ: Tám mươi triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm năm lăm đồng)

Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà N, yêu cầu bà N có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà N trả nợ, tuy nhiên bà N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ngân hàng, ngân hàng TMCP S đề nghị Quý Tòa giải quyết:

1. Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/4/2021 là:

Nợ gốc quá hạn: 19,123,011 đồng

Lãi quá hạn: 61,450,644 đồng

Tổng cộng: 80,573,655 đồng

(Bằng chữ: Tám mươi triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm năm lăm đồng)

2. Và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 02/12/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay:

*Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày nêu trên,

*Bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

* Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, thẩm phán và hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Bị đơn chưa

thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/4/2021 là:

Nợ gốc quá hạn: 19,123,011 đồng

Lãi quá hạn: 61,450,644 đồng

Tổng cộng: 80,573,655 đồng

Bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/4/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện đòi thanh toán tiền theo hợp đồng tín dụng đối với bà Nguyễn Thị N có hộ khẩu và nơi cư trú cuối cùng tại Số 5 tổ 2 , phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án: bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng nên tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc ký kết, thực hiện hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Nguyễn Thị N .

Ngày 28/05/2012, bà Ngân có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của bà N , Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 970403 – 1298 với hạn mức sử dụng là

20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.5%/ tháng. Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc quá hạn là 3.75%/tháng (150% lãi suất trong hạn).

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư 12/2010-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước, Thông tư 01/2009/TT-NHNN ngày 23/01/2019 của Ngân hàng nhà nước.

Đánh giá về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng trên, hội đồng xét xử nhận thấy: Ngân hàng TMCP S đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, đã cấp thẻ tín dụng cho bà N với hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào sao kê của Ngân hàng cung cấp và các tài liệu khác có trong hồ sơ đủ cơ sở xác định: Bà N sử dụng thẻ từ tháng 06/2012 đến tháng 01/2014 và có thanh toán đều cho Ngân hàng nhưng đến tháng 02/2014 thì ngưng thanh toán. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/04/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc quá hạn là 3.75%/tháng (150% lãi suất trong hạn). Tính đến ngày 26/4/2021, bà N còn nợ các khoản sau: Nợ gốc quá hạn: 19,123,011 đồng; Lãi quá hạn: 61,450,644 đồng; **Tổng cộng: 80,573,655 đồng**. Do vậy, việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà N phải trả cho nguyên đơn số tiền 80,573,655 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.028.682 đồng. Hoàn trả ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.660.000 đồng.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các Điều 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền còn nợ tính đến ngày 26/4/2021 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 28/5/2012, cụ thể:

- Nợ gốc quá hạn: 19,123,011 đồng (mười chín triệu, một trăm hai mươi ba nghìn, không trăm mười một đồng);

- Nợ lãi quá hạn: 61,450,644 đồng (sáu mươi một triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng);

Tổng cộng: 80,573,655 đồng (tám mươi triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 28/5/2012 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.028.682 đồng (bốn triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, sáu trăm tám mươi hai đồng). Hoàn trả ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.660.000 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0020569 ngày 18/11/2020 của Chi cục thi hành án quận Cầu Giấy.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt Ngân hàng thương mại cổ phần S ; Vắng mặt bà Nguyễn Thị N .

Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Cầu Giấy
- Đương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Tuấn Anh

